

Số: /KH-XSKT

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn năm 2024 tại Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Ninh Thuận

Thực hiện Kế hoạch số 5609/KH-UBND ngày 29/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2024. Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Ninh Thuận (sau đây gọi là Công ty) ban hành kế hoạch triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập của năm 2024 như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Nhằm thực hiện tốt Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của Công ty và cá nhân trong việc kê khai, công khai, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập. Góp phần minh bạch hóa hoạt động công vụ, ngăn chặn, phòng ngừa lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì động cơ vụ lợi, kịp thời phát hiện tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng, nâng cao hiệu quả việc thu hồi tài sản tham nhũng; phục vụ công tác kiểm soát tài sản, thu nhập và công tác quản lý cán bộ.

3. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai đầy đủ, trung thực về tài sản, thu nhập, biến động về tài sản, thu nhập và giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

4. Việc tổ chức kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của Công ty đảm bảo kịp thời, đúng thời gian và trình tự, thủ tục. Người đứng đầu đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tổ chức quán triệt, hướng dẫn và triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

II. Nội dung thực hiện

1. Xác định đúng đối tượng kê khai:

a) Đối với kê khai tài sản, thu nhập lần đầu: Là người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên (chỉ áp dụng cho các đối tượng mới được bổ nhiệm, mới vào làm việc tại Công ty năm 2024).

b) Kê khai tài sản, thu nhập bổ sung: Là những đối tượng đã kê khai lần đầu nhưng có biến động (tăng/giảm) về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên.

c) Kê khai tài sản thu nhập hàng năm: Những người có nghĩa vụ kê khai hàng năm được quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ gồm:

- Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong 105 danh mục tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

d) Đối với những người đã kê khai tài sản, thu nhập hàng năm thì không kê khai tài sản thu nhập bổ sung.

2. Nội dung thực hiện:

a) Căn cứ Phần III Kết luận số 22-KL/TTT ngày 22/7/2024 của Thanh tra tỉnh, Phòng Tổ chức – Lao động rà soát, thông báo danh sách người phải kê khai lần đầu; những người đã kê khai lần đầu làm cơ sở để kê khai thu nhập bổ sung (nếu có); lập danh sách những người giữ vị trí công tác quy định tại Khoản 1 nêu trên để yêu cầu thực hiện việc kê khai hàng năm (Phụ lục I Kế hoạch này).

b) Mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, hàng năm (Phụ lục II.1 Kế hoạch này) và Bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung (Phụ lục II.2 Kế hoạch này) theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

Người thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung, hàng năm nghiên cứu kỹ nội dung Kế hoạch và hướng dẫn một số cách thức kê khai tài sản, thu nhập (tại Kế hoạch này) để thực hiện kê khai đúng quy định.

* Lưu ý:

- Người kê khai phải tuân thủ kê khai đúng theo mẫu kê khai tài sản, thu nhập, không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung, không tự ý cắt bỏ những nội dung không có tài sản, phần biến động tài sản...(những nội dung nào không có tài sản thì ghi chữ không có), kê khai đúng quy định tại mẫu của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 của Luật PCTN (kê khai lần đầu hay kê khai hàng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ, bổ sung).

Ví dụ: Đối tượng kê khai hàng năm thì ghi: **BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN THU NHẬP HÀNG NĂM, NĂM 20...**; kê khai bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bầu cử... thì ghi: **BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ**.

- Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là **07 ngày** kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

c) Tài sản, thu nhập phải kê khai theo quy định tại Điều 35 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018:

“1. Tài sản, thu nhập phải kê khai bao gồm: a) Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng; b) Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên; c) Tài sản, tài khoản ở nước ngoài; d) Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. 2. Chính phủ quy định mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập quy định tại Điều này (Chính phủ đã quy định chi tiết tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 kèm theo mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập)”.

*** Lưu ý:**

Người kê khai: Sau khi kê khai xong phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai, ghi ngày hoàn thành việc kê khai; nộp 02 bản cho phòng Tổ chức – Lao động.

d) Việc tổ chức kê khai tài sản, thu nhập thực hiện theo Điều 37 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

đ) Việc tiếp nhận, quản lý, bàn giao, công khai Bản kê khai thực hiện theo Điều 38, 39 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Kế hoạch số 5609/KH-UBND ngày 29/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Phòng Tổ chức – Lao động lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai tại Công ty theo quy định tại Điều 37 Luật PCTN.

e) Người có nghĩa vụ kê khai nộp 02 bản cho Công ty (qua Phòng Tổ chức – Lao động) để tổng hợp, quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 130/2020/Đ-CP.

3. Một số vấn đề cần lưu ý:

Tiếp tục thực hiện văn bản nhắc nhở, chấn chỉnh việc kê khai tài sản, thu nhập, trong đó có một số nội dung cần chú ý như sau:

a) Về kê khai: Người kê khai không kê khai đầy đủ các loại tài sản như đất, nhà, tiền,... có giá trị trên 50 triệu đồng mà đứng tên của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên; không kê khai các loại tài sản là tài sản riêng đứng tên hợp pháp của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên; không kê khai các loại tài sản theo quy định đứng tên hợp pháp của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên nhưng trên thực tế các loại tài sản này là do đứng tên giữ hộ, đứng tên giùm, đứng tên đồng sở hữu, đứng tên đại diện hộ gia đình,...; không kê khai số dư tài khoản thanh toán tại thời điểm kê khai như tài khoản lương, tài khoản thu nhập khác,....

Do đó, tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung và hàng năm phải kê khai đầy đủ, bao gồm: tài sản của vợ, chồng, con chưa thành niên và tài sản riêng của vợ, chồng, con chưa thành niên theo quy định tại Điều 35, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Các loại tài sản nào không có thì ghi chữ không có; phần biến động tài sản tăng hoặc giảm ghi rõ lý do tăng, giảm. **Kê khai các loại tài sản đứng**

tên giữ hộ, đứng tên giùm, đứng tên đồng sở hữu, đứng tên đại diện hộ gia đình,... mà đứng tên chính mình thì ghi rõ lý do.

b) Về giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm so với lần liền kê trước đó: Có một số trường hợp có tăng tài sản nhưng khi giải trình, không có giấy tờ hợp pháp theo quy định pháp luật để chứng minh các loại tài sản có biến động tăng hơn so với năm kê khai trước đó (*thường chỉ chứng minh bằng giấy tờ viết tay nên không đủ cơ sở pháp lý*).

c) Đối với trường hợp những lần kê khai lần đầu, bổ sung, hàng năm trước đó kê khai chưa chính xác, chưa đầy đủ các loại tài sản theo quy định (*kê khai thiếu các loại tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng, tài sản riêng, tài sản đứng tên giữ hộ, đứng tên giùm, đứng tên đồng sở hữu, đứng tên đại diện hộ gia đình,... của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật,...*) cần tiến hành kê khai bổ sung đúng, đủ nội dung, các loại tài sản,... vào bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 và giải trình lý do cụ thể việc kê khai bổ sung. Các đối tượng kê khai tài sản, thu nhập tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan chức năng và Lãnh đạo Công ty về tính trung thực, đầy đủ của các loại tài sản đã kê khai.

4. Thời gian thực hiện:

a) Việc kê khai tài sản, thu nhập bổ sung, hàng năm phải hoàn thành gửi về phòng Tổ chức – Lao động (bà Huỳnh Nguyễn Bích Nhi – Trưởng phòng) **trước ngày 25/12/2024** để tổng hợp, lưu trữ và gửi về Thanh tra tỉnh theo quy định.

Phòng Tổ chức – Lao động rà soát, kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai. Sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm nhận bản kê khai. Lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai

b) Công ty báo cáo kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập của năm 2024, gửi và thực hiện việc bàn giao Bản kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền quy định **trước ngày 05/01/2025**.

c) Bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày Công ty bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập (Thanh tra tỉnh). Việc công khai Bản kê khai hoàn thành trước ngày 09/01/2025.

- Niêm yết tại Bảng thông báo nội bộ Công ty, thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày làm việc.

Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn.

III. Tổ chức thực hiện

1. Người quản lý, Trưởng các đơn vị trực thuộc và người lao động thuộc đối tượng kê khai tài sản, thu nhập căn cứ Kế hoạch này triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của năm 2024 theo đúng quy định.

Để thuận tiện trong việc cung cấp số liệu thu nhập giữa hai lần kê khai cho các năm sau, năm 2024 thống nhất thời điểm ghi ngày kê khai tài sản, thu nhập là **ngày 25/12/2024**.

2. Phòng Tổ chức - Lao động có trách nhiệm thu, tổng hợp Bản kê khai, tham mưu hình thức công khai, xây dựng báo cáo kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập của năm 2024 gửi về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền quy định trước ngày 05/01/2025.

3. Phòng Kế toán – Tài vụ có trách nhiệm cung cấp số liệu về thu nhập năm 2024 tại Công ty theo yêu cầu của các đối tượng kê khai tài sản, thu nhập (*tính theo thời điểm kê khai của từng người, được xác định từ ngày kê khai liền kề trước đó đến ngày 24/12/2024*).

* Lưu ý: Việc tổ chức thực hiện kê khai, công khai, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập theo đúng nội dung, trình tự, thủ tục, các bước nêu trên, theo hướng dẫn tại Văn bản số 953/TTr-TTT ngày 30/9/2023 của Thanh tra tỉnh hướng dẫn chi tiết kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4722/UBND-TCD ngày 10/11/2023 về việc chấn chỉnh kê khai tài sản thu nhập và Công văn số 5320/UBND-TCD ngày 12/11/2024 về việc triển khai Văn bản số 6051-CV/TU ngày 5/11/2024 của Thường trực Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác kê khai, kiểm soát tài sản thu nhập. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Lãnh đạo Công ty trong trường hợp kê khai tài sản, thu nhập không đúng quy định, lặp lại các vi phạm, hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn năm 2024 tại Công ty TNHH một thành viên xỏ số kiến thiết Ninh Thuận. Đề nghị người quản lý, Trưởng các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về phòng Tổ chức – Lao động để tổng hợp báo cáo Giám đốc Công ty xem xét, xử lý./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- NQL, KSV Công ty;
- Trưởng phòng, Trưởng VPĐD; | (t/hiện)
- Lưu: VT, TC. Nh

Vũ Đức Kim

PHỤ LỤC I*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-XSKT ngày /12/2024 của Công ty)***I. Danh sách những người đã kê khai tài sản thu nhập lần đầu**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Trần Minh Thanh	Chủ tịch Công ty	
2	Vũ Đức Kim	Giám đốc	
3	Tăng Nguyên Nam	Phó Giám đốc	
4	Võ Anh Lâm	Phó Giám đốc	
5	Võ Văn Châu	Phó Giám đốc	
6	Trần Thị Thanh Hiếu	Kế toán trưởng	
7	Nguyễn Từ Xuân Linh	Kiểm soát viên	
8	Phan Thế Hoàng	Trưởng phòng	
9	Trần Tuấn Dũng	Trưởng phòng	
10	Diệp Thế Dũng	Trưởng phòng	
11	Huỳnh Nguyễn Bích Nhi	Trưởng Phòng	
12	Lê Công Uyển Vi	Phó Trưởng Phòng	
13	Nguyễn Tử Lượng	Phó Trưởng Phòng	
14	Nguyễn Thị Lan Phương	Phó Trưởng Phòng	
15	Phạm Tùng	Phó Trưởng Phòng	
16	Nguyễn Hoàng Anh Tiến	Trưởng VPĐD	
17	Lê Minh Nghiêm	Trưởng VPĐD	
18	Hàng Trừu Thông	Trưởng VPĐD	
19	Trần Trung Dũng	Trưởng VPĐD	
20	Trần Đăng Ninh	Trưởng VPĐD	

II. Danh sách những người phải kê khai tài sản thu nhập lần đầu (năm 2024)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Vũ Nguyễn Thanh Thúy	Phó Trưởng phòng	Bổ nhiệm T3/2024

III. Danh sách những người phải kê khai hàng năm (năm 2024)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Trần Minh Thanh	Chủ tịch Công ty	
2	Vũ Đức Kim	Giám đốc	
3	Tăng Nguyên Nam	Phó Giám đốc	
4	Võ Anh Lâm	Phó Giám đốc	
5	Võ Văn Châu	Phó Giám đốc	
6	Trần Thị Thanh Hiếu	Kế toán trưởng	
7	Nguyễn Từ Xuân Linh	Kiểm soát viên	
8	Phan Thế Hoàng	Trưởng phòng	
9	Trần Tuấn Dũng	Trưởng phòng	

10	Diệp Thế Dũng	Trưởng phòng	
11	Huỳnh Nguyễn Bích Nhi	Trưởng Phòng	
12	Lê Công Uyên Vi	Phó Trưởng Phòng	
13	Nguyễn Tử Lượng	Phó Trưởng Phòng	
14	Nguyễn Thị Lan Phương	Phó Trưởng Phòng	
15	Phạm Tùng	Phó Trưởng Phòng	
16	Nguyễn Hoàng Anh Tiên	Trưởng VPĐD	
17	Lê Minh Nghiêm	Trưởng VPĐD	
18	Hàng Trừu Thông	Trưởng VPĐD	
19	Trần Trung Dũng	Trưởng VPĐD	
20	Trần Đăng Ninh	Trưởng VPĐD	

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾:
- Diện tích⁽⁹⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:
- Loại nhà⁽¹⁴⁾:
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước,			

<p>tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>			
---	--	--	--

..... ngày....tháng....năm....
NGƯỜI NHẬN BÁN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

..... ngày....tháng....năm....
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC II.2

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-XSKT ngày /12/2024 của Công ty)
MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG

(Ngày.....tháng.....năm.....) ⁽¹⁾

I. THÔNG TIN CHUNG ⁽²⁾**1. Người kê khai tài sản, thu nhập**

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Chức vụ/chức danh công tác:
- Cơ quan/đơn vị công tác:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾:ngày cấp..... nơi cấp

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:
- Nghề nghiệp:
- Nơi làm việc⁽⁴⁾:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)**3.1. Con thứ nhất:**

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁾ /giảm ⁽⁴⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:</p> <p>1.1. Đất ở</p> <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng khác:</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất:</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p>			

<p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bộ bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, tiền điện tử, các loại tài sản khác...).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai ⁽⁵⁾.</p>			
---	--	--	--

III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽⁶⁾

.....

.....

.....

PHỤ LỤC II.3

CÁCH THỨC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

Người kê khai phải kê khai đúng mẫu kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ, cụ thể như sau:

I. Đối với việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ:

Thực hiện theo mẫu quy định tại phần A, Phụ lục I, kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ. Yêu cầu phải ghi đúng, đủ, đảm bảo nguyên tắc kê khai tài sản, thu nhập. Ngoài ra, người kê khai cần thận trọng, lưu ý để kê khai đúng, đủ về tài sản, biến động tài sản thu nhập và giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm (*nội dung này thường hiểu chưa đúng, kê khai thiếu sót, lúng túng, không đầy đủ,...*):

1. Đối với nội dung ghi thông tin chung được hiểu và ghi như sau:

a) Mục Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: Ghi số căn cước công dân. Nếu chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số chứng minh thư (Nhân dân/Quân nhân/Công an) và ghi rõ ngày cấp và nơi cấp.

b) Mục nơi làm việc: Nêu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

2. Đối với nội dung ghi thông tin mô tả về tài sản được hiểu và ghi như sau:

a) Mục Tài sản phải kê khai: Là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

b) Mục Quyền sử dụng thực tế đối với đất: Là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

c) Mục Đất ở: Là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

d) Mục Địa chỉ thửa đất: Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

đ) Mục Diện tích thửa đất: Ghi diện tích đất (m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

e) Mục Giá trị thửa đất: Là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể:

- Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có);

- Trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản;

- Trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”;

- Trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

f) Mục Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Nếu thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

g) Mục thông tin khác (nếu có): Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (ví dụ: như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

h) Mục Đối với các loại đất khác: Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

i) Mục Loại nhà: Ghi “căn hộ” nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi “nhà ở riêng lẻ” nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.

j) Mục Diện tích sử dụng: Ghi tổng diện tích (m²) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của nhà nước.

k) Mục Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.

l) Mục Tài sản gắn liền với đất: Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu trở lên.

m) Mục Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.

n) Mục Rừng sản xuất là rừng trồng.

o) Mục Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

p) Mục Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân (bao gồm tiền trong tài khoản thanh toán lương,... và tiền gửi tiết kiệm), tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.

q) Mục Vốn góp: Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp và gián tiếp.

r) Mục Các loại giấy tờ có giá khác: Như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...

s) Mục Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...): Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

t) Mục Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

u) Mục Tài sản ở nước ngoài: Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.

v) Mục Tài khoản ở nước ngoài: Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sản giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).

w) Mục Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: Kê khai riêng tổng thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên. Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi tổng thu nhập chung vào phần các khoản thu nhập chung; nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác). Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liền kề trước đó đến ngày trước ngày kê khai.

Ví dụ: Trong thời kỳ từ 16/12/2019 đến 15/12/2020, ông A bán một thửa đất ở 100 m² ở địa chỉ B, giá trị của thửa đất lúc mua là 500 triệu, thu được 4 tỷ đồng; ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 100 m² tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng và mua một ô-tô Toyota với giá 1 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 18E-033.55. Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của gia đình ông A là 600 triệu, thu nhập từ các khoản đầu tư là 1 tỷ đồng, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 500 triệu.

Ông A sẽ ghi như sau:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất	- 100m ²	500 triệu	Giảm do bán

1.1/Đất ở - Bán thừa đất B			
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở - Mua căn hộ tại chung cư C	+ 100 m ²	3.500 triệu	Mua nhà từ tiền bán thừa đất B
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. - Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D	+ 01 Sổ tiết kiệm	500 triệu	Tiết kiệm từ thu nhập
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký - Mua ô tô, số ĐK: 18E-033.55	+ 01	1.000 triệu	Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.		+ 5.600 triệu	- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 600 triệu; - Thu nhập từ các khoản đầu tư 1.000 triệu; - Tiền bán thừa đất B được 4.000 triệu

*** Lưu ý:**

- Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai và không phải kê khai Mục III “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”.

- Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liền kề trước đó đến ngày trước ngày kê khai.

3. Đối với nội dung mục III về Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm được hiểu và ghi như sau (lưu ý, kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

a) Mục Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm (tại phần của mẫu): ghi và kê khai tài sản tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm, nguồn hình thành thu nhập trong kỳ áp dụng với lần kê khai thứ hai trở đi. Nếu không tăng, giảm tài sản thì ghi rõ là “Không có biến động” ngay sau tên của Mục III.

b) Mục tăng: Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

c) Mục giảm: Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

d) Mục Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.

II. Đối với việc kê khai tài sản, thu nhập bổ sung:

Thực hiện theo mẫu quy định tại phần A, Phụ lục II, kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ. Người kê khai cần thận trọng, lưu ý để kê khai đúng, đủ, nhất là phần biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm (nội dung này thường hiểu chưa đúng, kê khai thiếu sót, lúng túng, không đầy đủ,...) như sau:

1. Đối với nội dung Thông tin chung: Ghi như phần thông tin chung kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ đã hướng dẫn tại mục I, phần D trên đây.

2. Đối với phần Kê khai phần biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm:

a) Phần thông tin chung ghi như phần thông tin chung đã hướng dẫn trên đây.

b) Mục tăng: Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

c) Mục giảm: Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

d) Mục Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai: Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai (xem Ví dụ tại phần hướng dẫn trên đây).

e) Mục Thông tin mô tả về tài sản, thu nhập tăng thêm: Ghi thông tin mô tả về tài sản, thu nhập tăng thêm ghi như phần thông tin mô tả về tài sản đã hướng dẫn trên đây. Lưu ý chỉ kê khai về những tài sản mới tăng thêm, không kê khai lại những tài sản đã kê khai trước đó./.